

DÂN CHỦ SỐ - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

★ TS LÊ THỊ THU MAI

*Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

● **Tóm tắt:** Về bản chất, dân chủ số là việc ứng dụng các công nghệ số để tăng cường, mở rộng và cải thiện các quá trình dân chủ. Mục tiêu cốt lõi của quá trình này là sử dụng công cụ số để thu hẹp khoảng cách, tăng cường giao tiếp giữa nhà nước và công dân. Bài viết phân tích quá trình nhận thức về dân chủ số, các quan niệm chủ yếu và hình thức cơ bản; lợi ích, thách thức và rủi ro từ sự phát triển dân chủ số, cũng như tình hình tiếp cận và phát triển các thành tố dân chủ số tại Việt Nam.

● **Từ khóa:** dân chủ số; dân chủ ở Việt Nam; chuyển đổi số.

1. Mở đầu

Trong sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, sự hội tụ của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) với các lĩnh vực thuộc quản lý phát triển xã hội đã thúc đẩy sự ra đời và phát triển của “dân chủ số”. Đây không chỉ là tên gọi của công nghệ số hóa đối với hoạt động dân chủ, mà là một xu hướng phát triển của khoa học, phản ánh sự vận động của thực tiễn về dân chủ trong thời đại chuyển đổi số. Xu hướng này đang phổ biến ở hầu hết các quốc gia, đồng thời là phương thức đổi mới đời sống chính trị - xã hội.

Việt Nam là quốc gia có hạ tầng số phát triển tốt, đồng thời đang phát triển mạnh hệ thống dân chủ cơ sở, nên rất nhiều hoạt động số trong quản trị và giao tiếp xã hội đã được triển khai với tinh thần đột phá, trong đó có dân chủ số. Để đáp ứng nhu cầu của giai đoạn phát triển trong kỷ nguyên mới, phát triển dân chủ số trở thành yêu cầu cấp thiết và là bước đi có ý nghĩa tích cực, góp phần tăng cường sự quản lý và quản trị của

Nhà nước đối với xã hội, tăng cường sự tham gia của người dân và phát huy mạnh mẽ dân chủ ở cơ sở phù hợp với xu thế công nghệ hiện đại của cuộc chuyển đổi số đất nước.

2. Nội dung

2.1. Quá trình nhận thức về dân chủ số, các quan niệm chủ yếu

Định nghĩa và bản chất

Về bản chất, dân chủ số là việc ứng dụng các công nghệ số - bao gồm Internet, điện thoại thông minh, các nền tảng trực tuyến, dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI)... để tăng cường, mở rộng và cải thiện các quá trình dân chủ. Mục tiêu cốt lõi của quá trình này là sử dụng công cụ số để thu hẹp khoảng cách, tăng cường giao tiếp giữa nhà nước và công dân, từ đó tạo điều kiện cho người dân tham gia vào đời sống chính trị và quản trị một cách cởi mở, minh bạch và hiệu quả hơn.

Khái niệm “Dân chủ số” (E-Democracy hoặc Digital Democracy) được ghi nhận, bắt đầu từ

nhà hoạt động xã hội trên nền tảng số, Steven Clift. Ông là người thành lập website E-Democracy.org vào năm 1994 và hiện là Giám đốc mạng E-Democracy Minnesota⁽¹⁾. Steven Clift và các cộng sự đã phổ biến ý tưởng và phát triển hệ thống hoạt động dân chủ trên nền tảng số tại hơn 30 quốc gia trên thế giới.

Nhiều nghiên cứu và phát triển dân chủ số đã diễn ra trên khắp thế giới, đặc biệt ở Đức, Mỹ, Anh. Jane Fountain - Giáo sư chính trị học và chính sách công, Giám đốc Trung tâm Quốc gia về Chính phủ số tại Đại học Massachusetts, Mỹ, trong tác phẩm “Building the Virtual State” xuất bản năm 2001 đã đi sâu vào phạm vi mở rộng của nền dân chủ số và xem xét sự tương tác của nó với các cấu trúc quản lý của chính phủ. Bà đưa ra mô hình để hiểu cách các chuẩn mực, thủ tục và quy tắc hiện có trong bộ máy đến việc áp dụng các hình thức công nghệ mới. Fountain cho rằng sự xuất hiện của dân chủ số sẽ đòi hỏi một sự đổi mới đáng kể đối với sự quản lý của nhà nước hiện đại, dần trở thành chuẩn mực của mọi chính phủ⁽²⁾.

Nhìn chung, hầu hết các học giả thế giới đều có quan niệm về dân chủ số theo cách sử dụng các công nghệ, kỹ thuật để giải quyết các vấn đề chính trị và xã hội của dân chủ. Ngày nay, việc liên kết các nguyên tắc dân chủ có sự tham gia của người dân và các chủ thể xã hội cần được hỗ trợ bởi các công cụ kỹ thuật số. Một số học giả nhấn mạnh, dân chủ số thể hiện ở sự liên kết giữa chính quyền với cơ sở hạ tầng số, với quản trị dân chủ. Số khác coi dân chủ số là một hệ thống kỹ thuật nâng cao các hoạt động quản trị, thừa nhận các công cụ số có thể làm sâu sắc thêm nền dân chủ, trao quyền cho người dân thông qua các nền tảng trực tuyến. Dân chủ số nhấn mạnh sự cần thiết của việc chính quyền và người dân cùng quyết định cách công nghệ thông tin có thể

cải thiện cuộc sống cộng đồng, đóng góp ý kiến cá nhân, tranh luận và xây dựng xã hội⁽³⁾.

Dân chủ số đương nhiên không thay thế hoàn toàn các hình thức dân chủ truyền thống mà hoạt động như một công cụ hỗ trợ, nhằm khắc phục những hạn chế cố hữu như rào cản địa lý, sự thiếu minh bạch và tính bất đối xứng thông tin. Nó tạo ra một hệ sinh thái tương tác, nơi thông tin có thể được chia sẻ nhanh chóng, ý kiến được thu thập rộng rãi và các quyết định được đưa ra dựa trên sự tham gia của công chúng.

Vai trò và tiềm năng

Bản chất của một nền dân chủ số hiệu quả không chỉ nằm ở sự đóng góp của công dân vào các hoạt động của chính phủ mà còn ở việc thúc đẩy sự giao tiếp và hợp tác lẫn nhau giữa các công dân để cải thiện đời sống cộng đồng của chính họ. Dân chủ số được coi là có sự kết hợp các yếu tố của cả dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp, vì nó thể hiện được quan điểm, ý kiến hoặc quyết định của mọi chủ thể xã hội thông qua kỹ thuật số trên nền tảng số.

Với Internet chất lượng cao, chính trị thế giới ngày càng dựa vào Internet như một nguồn thông tin phổ biến và cũng ít nhiều tin cậy đối với xã hội. Xu hướng này đặc biệt đáng chú ý đối với những cử tri trẻ, những người thường sử dụng thành thạo nguồn thông tin mạng. Hiện nay, quy mô rộng lớn và cấu trúc phi tập trung của Internet, đặc biệt công cụ AI còn cho phép người dùng tạo ra nội dung và lan truyền ảnh hưởng đến nhiều đối tượng. Thực tế này là một bước tiến bộ lớn trong giao tiếp xã hội, nhưng mặt trái của nó cũng tiềm ẩn nguy cơ không dễ kiểm soát, gây bất lợi cho xã hội. Bên cạnh những tiềm năng to lớn, dân chủ số cũng đi kèm với nhiều thách thức và rủi ro, như vấn đề an ninh mạng, nguy cơ thông tin sai lệch và khoảng cách số. Phát triển dân chủ số đòi hỏi sự cân bằng giữa việc tận dụng các lợi ích

của công nghệ và quản lý hiệu quả các rủi ro tiềm tàng để bảo đảm rằng nó thực sự phục vụ cho mục tiêu xây dựng một nền dân chủ công bằng và bền vững.

Tuy nhiên, trong xã hội, không phải ai cũng có khả năng truy cập công nghệ hoặc kỹ năng sử dụng nền tảng số như nhau. Việc giải quyết khoảng cách số là rất quan trọng để bảo đảm mọi công dân đều được hưởng lợi từ sự phát triển của dân chủ số. Dân chủ số là công cụ mạnh mẽ để cải thiện quản trị và dịch vụ công, nhưng nó cần được triển khai một cách chiến lược và theo cách bổ sung, chứ không phải thay thế các chức năng chính phủ truyền thống. Bằng cách áp dụng dân chủ số cùng với các phương pháp truyền thống, chính phủ có thể tạo ra một hệ thống hiệu quả, minh bạch hơn và lấy người dân làm trung tâm.

2.2. Các hình thức cơ bản của dân chủ số

Dân chủ số không chỉ giới hạn ở việc sử dụng công nghệ để bỏ phiếu điện tử mà còn là một khái niệm rộng lớn, bao gồm nhiều phương diện nhằm tăng cường sự tham gia của công dân vào quá trình quản trị và ra quyết định. Nó có thể được phân loại thành ba cấp độ, tương ứng với mức độ tương tác và tham gia của công dân:

Thứ nhất, thông tin và minh bạch - phổ biến và nhận thức về các vấn đề công (tri thức chính trị - xã hội)

Công dân là đối tượng chủ yếu và quan trọng trong tiếp nhận thông tin. Cấp độ đầu tiên của dân chủ số tập trung vào việc tạo ra môi trường thông tin ngày càng minh bạch hơn, công dân dễ dàng tiếp cận các dữ liệu và chính sách của nhà nước. Đây là nền tảng cốt lõi để thể hiện trách nhiệm công dân, đồng thời bảo đảm sự giám sát trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền.

Khái niệm “Chính phủ mở” (*Open Government*) đề cập đến việc chính phủ công

bố công khai các dữ liệu (cần thiết và có trách nhiệm phải công khai) về ngân sách, chi tiêu, luật pháp, kế hoạch phát triển và các hoạt động khác trên các nền tảng trực tuyến... Một trong những mục tiêu của dân chủ số là tạo điều kiện cho người dân, các nhà nghiên cứu, và các tổ chức xã hội dễ dàng tiếp cận, phân tích và sử dụng dữ liệu này. Trên thực tế, việc công khai dữ liệu ngân sách cho phép người dân giám sát hiệu quả việc sử dụng nguồn lực công, phát hiện các bất thường và yêu cầu giải trình. Sự minh bạch này không chỉ giúp giảm thiểu tham nhũng mà còn xây dựng lòng tin giữa chính phủ và người dân.

Cổng thông tin điện tử (*E-portals*) của các cơ quan nhà nước đóng vai trò như một điểm truy cập tập trung, đầy đủ và tin cậy cho mọi thông tin công. Trên thực tế, cổng thông tin công quyền giúp xã hội và công dân tiết kiệm thời gian, giảm bớt các rào cản hành chính và tăng cường khả năng tiếp cận thông tin chính thức một cách kịp thời và chính xác.

Thứ hai, tham vấn và thảo luận - xây dựng và tăng cường lòng tin vào hệ thống quản lý (lòng tin chính trị)

Cấp độ thứ hai của dân chủ số chuyển từ việc cung cấp thông tin đơn thuần sang khuyến khích sự tham gia tích cực của công dân vào quá trình hoạch định chính sách. Các công cụ ở cấp độ này cho phép công dân đóng góp ý kiến và phản hồi trực tiếp cho các cơ quan nhà nước.

Diễn đàn trực tuyến (*Online Forums*) tạo ra không gian để người dân và các chuyên gia thảo luận, góp ý cho các dự thảo luật, chính sách hoặc các vấn đề xã hội quan trọng. Điều này giúp các nhà hoạch định chính sách nắm bắt được những quan điểm đa dạng, điều chỉnh và tạo ra quy trình xây dựng chính sách mang tính bao trùm và minh bạch hơn.

Các cuộc khảo sát ý kiến trực tuyến (*Online Surveys*) là phương tiện hiệu quả để thu thập ý kiến rộng rãi từ công chúng về các vấn đề cụ thể. Cơ quan chính phủ thường sử dụng các nền tảng khảo sát để thăm dò dư luận về các chính sách mới, đề án kinh tế - xã hội mới nhằm đánh giá hiệu quả các dịch vụ công, hoặc thu thập ý kiến về các dự án phát triển. Phương pháp này giúp tiếp cận người dân một cách nhanh chóng, với chi phí thấp, từ đó cung cấp dữ liệu định lượng có giá trị cho việc ra quyết định.

Ngày nay, mạng xã hội (*Social Media*) đã trở thành kênh tương tác quan trọng giữa các cơ quan nhà nước và người dân. Các bộ, ngành và nhà lãnh đạo sử dụng các nền tảng số để thông báo chính sách, lắng nghe phản hồi của công chúng và phản ứng nhanh chóng với các vấn đề phát sinh. Sự tương tác hai chiều trên mạng xã hội giúp rút ngắn khoảng cách giữa chính quyền và người dân, tạo ra kênh giao tiếp trực tiếp và ít rào cản hơn so với các phương tiện truyền thống.

Thứ ba, ra quyết định và bỏ phiếu - sự tham gia vào quá trình ra quyết định của các cơ quan có trách nhiệm; tiếng nói công dân ngày càng có ý nghĩa hơn.

Cấp độ cao nhất của dân chủ số là việc công dân trực tiếp tham gia vào quá trình ra quyết định, vượt qua vai trò của người tiếp nhận thông tin hay đóng góp ý kiến.

Bỏ phiếu điện tử (*E-Voting*) là việc sử dụng các công nghệ số để thực hiện bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử hoặc trưng cầu dân ý. Bỏ phiếu điện tử có thể được thực hiện qua internet, qua các thiết bị bỏ phiếu chuyên dụng. Lợi ích của hình thức này là tăng tỷ lệ cử tri tham gia, đặc biệt là đối với những người ở xa hoặc khó có điều kiện di chuyển, đồng thời tiết kiệm chi phí và thời gian kiểm phiếu.

Các công cụ đồng sáng tạo (*Co-creation Tools*) cho phép người dân trực tiếp đề xuất sáng kiến, tham gia soạn thảo các văn bản pháp luật hoặc các chính sách công thông qua các nền tảng cộng tác trực tuyến. Một nền tảng kỹ thuật số cho phép người dân đề xuất các ý tưởng luật mới, những người khác có thể bình luận, chỉnh sửa, hoặc bỏ phiếu cho những ý tưởng đó. Trên thực tế, điều này tạo ra quy trình xây dựng chính sách mang tính cộng đồng cao, tận dụng được trí tuệ tập thể và sự đa dạng của xã hội.

Quyết định tập thể (*Collective Decision-making*) - việc sử dụng các công cụ số để thực hiện trưng cầu dân ý hoặc lấy ý kiến về các vấn đề địa phương là hình thức dân chủ trực tiếp. Một cộng đồng có thể sử dụng một ứng dụng để bỏ phiếu về việc thực hiện dự án cộng đồng. Các công cụ này giúp quyết định được đưa ra một cách dân chủ và phản ánh đúng nguyện vọng của cộng đồng.

2.3. Lợi ích của dân chủ số

Thứ nhất, dân chủ số tăng cường sự minh bạch của các hoạt động và các quá trình xã hội. Lợi ích cốt lõi mà dân chủ số mang lại là tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của nhà nước. Trước đây, thông tin thường được tập trung và kiểm soát chặt chẽ bởi các cơ quan công quyền, tạo ra một sự bất đối xứng thông tin đáng kể giữa chính phủ và người dân. Công nghệ số giúp phá vỡ rào cản này bằng cách cho phép các cơ quan nhà nước công khai dữ liệu và thông tin một cách rộng rãi, dễ dàng tiếp cận.

Thông qua các nền tảng số, lòng tin của người dân được củng cố, vì họ có cơ sở để tin tưởng vào sự trung thực và liêm chính của các hoạt động công. Đồng thời, người dân và cộng đồng buộc phải nâng cao trách nhiệm công dân trước các vấn đề xã hội. Từ đó, pháp luật và kỷ cương xã hội được tăng cường.

Thứ hai, dân chủ số cho phép và đòi hỏi chính phủ và các tổ chức xã hội công khai dữ liệu và thông tin, giúp người dân dễ dàng giám sát các hoạt động công - mở rộng sự tham gia của người dân. Dân chủ số đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng sự tham gia của công dân vào các vấn đề công cộng, phá bỏ các rào cản truyền thống về địa lý, thời gian và sự phức tạp của thủ tục hành chính. Lợi ích này đặc biệt có ý nghĩa đối với những người sống ở vùng sâu, vùng xa, hoặc những người có điều kiện cá nhân đặc thù.

Dân chủ số tạo ra môi trường thuận lợi để thu hút sự tham gia của các nhóm đối tượng mà trước đây ít có tiếng nói, đặc biệt là giới trẻ. Sự tham gia của giới trẻ mang lại luồng sinh khí mới, ý tưởng đổi mới và cách nhìn đa chiều cho quá trình ra quyết định, giúp kiến tạo một xã hội dân chủ toàn diện hơn, nơi tiếng nói của mọi người đều được lắng nghe và tôn trọng.

Thứ ba, dân chủ số mở rộng sự tham gia của người dân và các chủ thể xã hội. Bằng cách làm mềm hoặc phá bỏ rào cản về ranh giới và thời gian, các nền tảng số cho phép nhiều nhóm dân cư tham gia vào các cuộc thảo luận và hoàn thiện chính sách. Dân chủ số sử dụng công nghệ để tự động hóa và tối ưu hóa các quy trình chính trị, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của cả chính quyền và người dân.

Trong các quy trình truyền thống, việc thu thập ý kiến từ hàng nghìn hoặc hàng triệu người dân là một công việc tốn kém và mất nhiều thời gian. Với các công cụ số, quy trình này được thực hiện một cách nhanh chóng và chính xác hơn, cho phép thu thập dữ liệu lớn trong thời gian ngắn và tự động hóa quá trình phân tích, tổng hợp. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm chi phí và nguồn lực mà còn cho phép cơ quan công quyền, các nhà hoạch định chính sách phản ứng kịp thời hơn với các vấn đề phát sinh.

Bên cạnh đó, việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến giúp người dân dễ dàng hoàn thành các thủ tục hành chính, giúp cải thiện chất lượng dịch vụ và tăng sự hài lòng của người dân.

Thứ tư, dân chủ số nâng cao hiệu quả hoạt động và các quy trình quản lý phát triển xã hội; các công cụ số hóa giúp các quy trình như thu thập ý kiến, bỏ phiếu và quản lý hành chính diễn ra nhanh chóng và chính xác, tiết kiệm đáng kể nguồn lực xã hội.

Tính minh bạch thông tin buộc các cơ quan công quyền phải hành động với trách nhiệm cao hơn. Các nền tảng phản hồi trực tuyến và mạng xã hội trở thành kênh để người dân trực tiếp nhận thức và thực thi các chính sách và yêu cầu giải trình. Sức mạnh của dư luận số tạo ra một động lực mạnh mẽ, một cơ chế giám sát có thể kiểm tra được, thúc đẩy người dân cũng như cơ quan công quyền hành động vì lợi ích chung.

Tuy nhiên, dân chủ số không phải là một giải pháp “vạn năng”, mà chỉ là công cụ để cải thiện quy trình dân chủ truyền thống. Bằng cách tăng tính minh bạch, mở rộng sự tham gia, nâng cao hiệu quả và tăng cường trách nhiệm giải trình, dân chủ số đang từng bước xây dựng một nền quản trị công hiện đại, cởi mở và phản ứng nhanh nhạy hơn với nhu cầu của người dân.

2.4. Thách thức và rủi ro của sự phát triển dân chủ số

Ứng dụng dân chủ số mang lại nhiều lợi ích, nhưng cũng đi kèm với không ít thách thức và rủi ro.

Thứ nhất, dân chủ số làm trầm trọng thêm khoảng cách số (*Digital Divide*). Khoảng cách giữa người dân với cơ quan công quyền, giữa các cộng đồng, không chỉ là khoảng cách về khả năng tiếp cận internet và các thiết bị công nghệ, mà còn là sự bất bình đẳng về kỹ năng sử dụng, trình độ học vấn, và mức độ am hiểu về công nghệ.

Việc khả năng tiếp cận này bị hạn chế có thể dẫn đến việc loại trừ một bộ phận dân cư khỏi quá trình tham gia chính trị. Khi các cuộc bỏ phiếu, tham vấn ý kiến và các dịch vụ công được số hóa, những người không có khả năng sử dụng các công cụ này sẽ mất đi tiếng nói và quyền lợi của mình. Điều này đi ngược lại nguyên tắc cốt lõi của dân chủ là bình đẳng và đại diện toàn diện. Nếu không có những chính sách hỗ trợ và đào tạo cần thiết, dân chủ số có nguy cơ chỉ dành cho một nhóm nhỏ dân số có đặc quyền về công nghệ.

Thứ hai, mặc dù bỏ phiếu điện tử (e-voting) có nhiều lợi ích về tốc độ và hiệu quả, nhưng cũng đối mặt với những rủi ro nghiêm trọng về *an ninh mạng* và *gian lận*. Các hệ thống bỏ phiếu trực tuyến nếu không được bảo vệ chặt chẽ sẽ trở thành mục tiêu của các cuộc tấn công mạng.

Một cuộc tấn công có thể làm sai lệch kết quả bầu cử bằng cách thay đổi số phiếu, vô hiệu hóa hệ thống, hoặc đánh cắp dữ liệu cá nhân của cử tri. Việc bảo đảm tính toàn vẹn, bảo mật và khả năng kiểm toán của một hệ thống bỏ phiếu điện tử là vô cùng phức tạp.

Thứ ba, sự phát triển của mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến tạo điều kiện cho việc phát tán thông tin sai lệch (fake news) và thao túng dư luận với tốc độ và quy mô chưa từng có. Các thông tin giả mạo, tuyên truyền mang tính thù địch, hoặc các chiến dịch bôi nhọ có thể được lan truyền rộng rãi, gây nhầm lẫn và định hướng dư luận theo một hướng nhất định.

Rủi ro này đặc biệt nghiêm trọng trong bối cảnh các chiến dịch chính trị trực tuyến, nơi các ứng cử viên và các nhóm lợi ích sử dụng tài khoản giả mạo (bot) để khuếch đại thông điệp của họ và làm giảm uy tín của đối thủ. Sự thật trở nên khó phân biệt với dối trá, khiến người dân gặp khó khăn trong việc đưa ra các quyết định.

Thứ tư, việc áp dụng dân chủ số đòi hỏi thu thập dữ liệu người dân phải ở quy mô đủ lớn để xác minh danh tính, đặc điểm; theo dõi quá trình bỏ phiếu, hoặc phân tích hành vi và thái độ tham gia. Mặc dù cần thiết cho các quy trình này, nhưng việc thu thập và lưu trữ dữ liệu cá nhân tiềm ẩn nguy cơ vi phạm quyền riêng tư.

Các hệ thống này có thể bị lạm dụng để theo dõi và giám sát, đặc biệt là những người có ý kiến khác biệt. Dữ liệu cá nhân bị sử dụng cho mục đích chính trị, thương mại, hoặc bị lộ do các lỗ hổng bảo mật. Sự thiếu minh bạch trong việc sử dụng dữ liệu có thể bị một tổ chức hay cá nhân có mục đích không minh bạch kiểm soát, từ đó làm giảm tự do ngôn luận và sự tham gia của công dân.

Thứ năm, nguy cơ “dân chủ trình diễn” (*Performative Democracy*). Đây là hiện tượng mà các hoạt động tham vấn và thảo luận trực tuyến chỉ mang tính hình thức, không thực chất. Các thiết chế xã hội tạo ra các nền tảng tham vấn công khai để tạo ấn tượng về sự minh bạch và lắng nghe ý kiến, nhưng trên thực tế, ý kiến đó đôi khi lại bị lợi dụng, hoặc không được tham khảo nghiêm túc.

Điều này làm giảm lòng tin của công chúng vào quy trình dân chủ số. Khi sự tham gia trở thành nghi thức không có thực quyền, người dân sẽ thờ ơ và rút lui khỏi các hoạt động công. Rủi ro này dẫn đến một nền dân chủ trống rỗng về nội dung.

2.5. Tình hình tiếp cận và phát triển các thành tố dân chủ số tại Việt Nam

Việt Nam đang từng bước tiếp cận và phát triển các thành tố của dân chủ số. Đảng và Nhà nước coi đây là một phần quan trọng trong chiến lược xây dựng Chính phủ điện tử (e-Government) và Chính phủ số (Digital Government). Cùng với sự chuyển đổi số mạnh mẽ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, dân chủ

số ở Việt Nam đã có những bước phát triển đáng kể, được các tổ chức quốc tế ghi nhận. Các dịch vụ công số hóa, trình độ xử lý online hoạt động của các cơ quan công quyền, cũng như của các tổ chức xã hội và của người dân, với mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp... được cộng đồng quốc tế đánh giá tích cực. Các nỗ lực này tập trung vào ba khía cạnh chính: (1)- Xây dựng chính phủ điện tử; (2)- Cung cấp dữ liệu mở; và (3)- Lấy ý kiến nhân dân trực tuyến.

Thứ nhất, xây dựng Chính phủ điện tử:

Việt Nam đã xác định việc xây dựng Chính phủ điện tử là một trong những mục tiêu trọng tâm nhằm hiện đại hóa nền hành chính quốc gia, nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng phục vụ người dân.

Cổng dịch vụ công quốc gia được đưa vào hoạt động từ tháng 12-2019, đóng vai trò là kênh giao tiếp quan trọng giữa Chính phủ và người dân, doanh nghiệp. Mục tiêu của Cổng là cung cấp điểm truy cập duy nhất để người dân và doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến. Năm 2021, Việt Nam đã ban hành Chiến lược Chính phủ điện tử, với mục tiêu xây dựng chính phủ số dựa trên dữ liệu và công nghệ số, cung cấp dịch vụ chất lượng cao, ra quyết định kịp thời và sử dụng nguồn lực tối ưu.

Việc cung cấp dữ liệu mở (open data) là một bước tiến quan trọng trong tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính phủ. Nhận thức được điều này, Việt Nam đã xây dựng và đưa vào hoạt động Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn).

Trong tương quan với các vấn đề của dân chủ số, thái độ của người dân về các dịch vụ công điện tử là tương đối tích cực.

Những vấn đề đặt ra đối với các hoạt động xã hội dựa trên nền tảng công nghệ số cũng đã xuất

hiện. Công nghệ AI có thể gây ra tình trạng phân biệt phân biệt đối xử trong các quyết định của cơ quan công quyền, do những sai sót khó tránh trong phần mềm nhận diện khuôn mặt, đánh giá thực trạng các khoản vay tài chính, tuyển sinh trong giáo dục, bảo hiểm xã hội... Ngoài ra, công nghệ số thường mang lại lợi ích cho người nghèo ít hơn so với những người thuộc tầng lớp trung lưu và giàu⁽⁴⁾.

Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn) ra đời với mục tiêu cung cấp một kho dữ liệu chung, nơi các cơ quan nhà nước công bố các bộ dữ liệu công một cách minh bạch và dễ dàng truy cập. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã được kết nối với 15 bộ, ngành, 01 doanh nghiệp nhà nước (EVN), 03 doanh nghiệp viễn thông và 63 địa phương; tiếp nhận hàng triệu yêu cầu đề tra cứu, xác thực thông tin; đồng bộ thông tin công dân. Hệ thống bảo hiểm xã hội đã xác thực 91,2 triệu thông tin trong cơ sở dữ liệu bảo hiểm xã hội. Toàn bộ hoạt động đăng ký khai sinh, kết hôn, khai tử đã triển khai trực tuyến kết nối với hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp. Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp đã lưu trữ và liên tục cập nhật theo thời gian thực dữ liệu của gần 1,9 triệu doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn FDI, tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán v.v..

Tuy nhiên, việc cung cấp dữ liệu mở tại Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Số lượng bộ dữ liệu còn hạn chế so với nhu cầu thực tế. Nhiều bộ dữ liệu được công bố chưa đủ hoặc không được cập nhật thường xuyên (trong số các bộ dữ liệu được công bố, chỉ khoảng 15% được cập nhật định kỳ). Ngoài ra, việc thiếu một khuôn khổ pháp lý rõ ràng về dữ liệu mở cũng là một rào cản, khiến các cơ quan lo ngại rò rỉ dữ liệu hoặc an ninh quốc gia. Bởi vậy, nhiều

bộ dữ liệu còn ở dạng dữ liệu tĩnh, ít có giá trị sử dụng lâu dài.

Việc lấy ý kiến nhân dân trực tuyến cho các dự thảo luật và chính sách quan trọng đã trở thành thông lệ tại Việt Nam. Công nghệ số giúp quy trình này trở nên dễ dàng và rộng rãi. Nhiều dự thảo luật quan trọng được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và các trang web của các bộ, ngành... đã nhận được hàng triệu ý kiến đóng góp từ các cá nhân, tổ chức, chuyên gia và doanh nghiệp.

Tuy nhiên, việc lấy ý kiến trực tuyến vẫn còn nhiều hạn chế. Trong đó, vấn đề lớn nhất là tính đại diện và chất lượng của ý kiến. Mặc dù số lượng ý kiến đóng góp lớn, nhưng việc xác minh tính chính danh và độ tin cậy của các ý kiến này là một vấn đề lớn. Ngoài ra, các ý kiến đóng góp thường tập trung vào những vấn đề nổi cộm, trong khi nhiều vấn đề khác ít được quan tâm.

Với số lượng ý kiến khổng lồ, việc phân tích và chất lọc những ý kiến có giá trị để đưa vào hoàn thiện dự thảo luật là một quá trình phức tạp và tốn kém nguồn lực.

Hiện nay, đối với người dân và xã hội, nhìn chung, dân chủ số với việc sử dụng công nghệ số đã trở nên dễ dàng hơn trong việc nâng cao sự tham gia của người dân vào các hoạt động chính trị, quản trị và ra quyết định. Người dân đóng góp ý kiến, tham gia thảo luận và giám sát chính sách một cách thuận tiện và hiệu quả, bất kể thời gian và không gian. Việc áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dân chủ số đã thực sự thúc đẩy dân chủ cơ sở và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Dân chủ số giúp mở rộng không gian tham gia của người dân, nâng cao nhận thức và năng lực thực thi dân chủ ở cơ sở, góp phần hoàn thiện hơn hệ thống dân chủ trong xã hội. Việc thực hiện chủ trương của Đảng “Dân biết, dân bàn, dân làm,

dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” trở nên thiết thực hơn.

3. Kết luận

Mặc dù mới được thực thi, nhưng sự phát triển dân chủ số ở Việt Nam đã giúp Việt Nam bắt kịp xu hướng toàn cầu, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số để cải thiện quản trị nhà nước và phát triển kinh tế xã hội. Dân chủ số trên thực tế đã giúp giải quyết các thách thức về truyền thông, giúp tăng cường tương tác và hoạt động giữa các cơ quan công quyền với công chúng trên các nền tảng số và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Dân chủ số tại Việt Nam đang phát triển theo chiều sâu, thể hiện qua những thành quả cụ thể về dịch vụ công, chỉ số chính phủ số, tỷ lệ người dân sử dụng Internet cũng như mức độ đầu tư tài chính cho chuyển đổi số. Tuy nhiên, các vấn đề về kỹ năng số, năng lực giám sát xã hội và an ninh mạng vẫn là thách thức không nhỏ, đòi hỏi quyết tâm chính trị, đầu tư liên tục và sự đồng thuận của toàn xã hội để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng một nền dân chủ số thực chất, bền vững và toàn diện □

Ngày nhận bài: 25-9-2025; Ngày bình duyệt: 22-10-2025; Ngày duyệt đăng: 27-11-2025.

Email: lethumaiips@gmail.com

- (1) Steven clift: *Civic Hacking and Open Government*, <https://obamawhitehouse.archives.gov>.
- (2) Jane E. Fountain (2001): *Building the Virtual State: Information Technology and Institutional Change*, Pub: Brookings Institution Press, 2001, <https://archive.org>.
- (3) Roberta Fischli and James Muldoon (2024): *Empowering Digital Democracy*, <https://doi.org>.
- (4) Ministry of Sciences and Technology Vietnam TV: *Vietnam's future digital economy towards 2030 and 2045*, <https://research.csiro.au>.